TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 784/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Thành Công - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên toà*:** Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 406/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1990 - có mặt.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện H, tỉnh Đồng T.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1983 - có mặt.

Địa chỉ: 134/59/40/10, đường T10, tổ 20, khu phố 1A, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N trình bày:

Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H chung sống với nhau từ năm 2016. Có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện H, tỉnh Đồng T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 21/11/2016.

Từ khi về chung sống thì đã phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau, bất đồng quan điểm sống, đã có lần ông H còn đánh bà N. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên bà N nhiều lần về nhà bố mẹ ruột ở tỉnh T, nhưng đến giữa tháng 04/2021 thì đã về tỉnh T sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được và nếu tiếp tục chung sống sẽ gây ảnh hưởng xấu đến con nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Lê Phương Tú A, sinh ngày 23/10/2017.

Hiện nay con chung Tú A đang sống cùng với bà N. Nếu ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông Lê Thanh H trình bày:

Ông Lê Thanh Hồng xác nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như lời trình bày của bà N nhưng ông chưa bao giờ đánh bà N. Nay bà N nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Lê Phương Tú A, sinh ngày 23/10/2017.

Hiện nay con chung đang ở cùng với bà N. Nhưng từ khi ly thân thì con chung có lúc ở với ông H, có lúc ở với bà N. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không cần bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Xác định không có

Tại phiên tòa:

Bà Trương Thị Tuyết N trình bày: Bà giữ yêu cầu như các buổi làm việc trước đây. Hiện nay, bà có công việc ổn định với thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bé Tú A hiện nay đang ở ổn định cùng với mẹ và ông bà ngoại tại tỉnh T. Bé đang học tại Trường Mầm non thị trấn R. Bà xác định mình đủ điều kiện nuôi con và do bé là con gái nên giao cho bà trực tiếp chăm sóc sẽ tốt hơn là ông H. Bà cam kết nếu được nuôi con sẽ luôn tạo điều kiện cho ông H về thăm con và vào dịp tết hoặc hè sẽ cho con về thăm bên nội.

Ông Lê Thanh H trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung. Ông có thu nhập mỗi tháng hơn 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và chỗ ở ổn định. Tuy hiện nay ông chỉ ở một mình, nhưng ông có thể chủ động trong công việc nên hoàn toàn đủ khả năng đưa đón và chăm sóc con. Môi trường học tập ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tốt hơn ở dưới tỉnh T, ông xác định mình nuôi con sẽ tốt hơn bà N. Nếu bà N nuôi con phải tạo điều kiện cho ông đến thăm con và cho con về thăm bên nội. Ngoài ra, khi bà N lấy chồng khác phải giao con lại cho ông nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn giải quyết theo quy đinh tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Xét lợi ích mọi mặt của trẻ Lê Phương Tú A, sinh ngày 23/10/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Thanh H do bà Trương Thị Tuyết N chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú tại Quận 12 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về chứng cứ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Về hôn nhân:

Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện H, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 21/11/2016, nên là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện H, tỉnh T thể hiện: "..con chung Lê Phương Tú A đang sinh sống tại thị trấn R và do bà Trương Thị Tuyết N chăm sóc nuôi dưỡng, còn các yêu cầu khác không đủ cơ sở để cung cấp thêm thông tin".

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và ông H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H thuận tình ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Có con chung Lê Phương Tú A, sinh ngày 23/10/2017.

Bà N và ông H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung từ sau khi ly hôn cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, hiện nay bà N và ông H đều có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Nhưng hiện nay trẻ Lê Phương Tú A đang sống và học ổn

định tại thị trấn R, huyện H, tỉnh T. Trẻ Tú A đang trong độ tuổi rất cần có sự quan tâm, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con.

Vì vậy, do trẻ Tú A là con gái và để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, học hành, sự ổn định về tinh thần, sức khỏe của trẻ. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung trẻ Tú A cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Thanh H do bà Trương Thị Tuyết N chưa có yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Trương Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình.

[5]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 58 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết N được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 100 do Uỷ ban nhân dân thị trấn R, huyện H, tỉnh T cấp ngày 21/11/2016 không còn giá trị pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H có con chung là Lê Phương Tú A sinh ngày 23/10/2017.

Giao con chung Lê Phương Tú A cho bà Trương Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Thanh H do bà Trương Thị Tuyết N chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Tuyết N và ông Lê Thanh H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0106436 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND Q.12;
-CCTHADS Q.12;
-UBND nơi cấp GCN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Hà